

Số: **25** /2016/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **26** tháng **7** năm 2016

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế được Nhà nước đóng và hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

2. Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ trên 6 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

b) Con liệt sĩ, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ;

c) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

3. Người phục vụ người có công với cách mạng, bao gồm:

a) Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình;

b) Người phục vụ thương binh, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên sống ở gia đình;

c) Người phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên sống ở gia đình.

4. Cựu chiến binh, bao gồm:

a) Cựu chiến binh đã tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước theo khoản 6 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh;

b) Người được hưởng chính sách theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg;

c) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được hưởng chế độ theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

d) Quân nhân được hưởng chế độ theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương và Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg;

đ) Người được hưởng chế độ chính sách theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;



e) Thanh niên xung phong được hưởng chế độ theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

g) Dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và làm nhiệm vụ quốc tế.

5. Trẻ em dưới 6 tuổi.

6. Người thuộc diện được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

7. Người thuộc hộ gia đình nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

8. Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

9. Học sinh, sinh viên đang theo học tại các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quản lý.

10. Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Nguyên tắc xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Người tham gia bảo hiểm y tế theo quy định Điều 2 Thông tư này thuộc đối tượng nào thì xác định theo đối tượng đó.

2. Người thuộc nhiều đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thì chỉ xác định theo một loại đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

3. Khi xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế phải bảo đảm đủ căn cứ, cụ thể như sau:

a) Quyết định công nhận và giải quyết chế độ của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đối với Người có công với cách mạng, cựu chiến binh; thân nhân người có công với cách mạng; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; người phục vụ người có công với cách mạng;

b) Danh sách hằng năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận đối với người thuộc hộ gia đình nghèo; người thuộc hộ gia đình cận nghèo; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Quyết định trợ cấp xã hội hằng tháng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) đối với người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng;

d) Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh đối với trẻ em dưới 6 tuổi. Trường hợp trẻ em chưa có các giấy tờ trên thì căn cứ vào xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú về việc chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế hoặc Giấy tạm trú hoặc Sổ tạm trú;

đ) Danh sách do Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý xác định đối với học sinh, sinh viên đang theo học tại cơ sở;

e) Danh sách do Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công (sau đây gọi là Cơ sở nuôi dưỡng) xác định đối với đối tượng là người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng trong cơ sở.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ sở nuôi dưỡng, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội chịu trách nhiệm xác định và quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Trình tự xác định, quản lý đối tượng

1. Đối với đối tượng tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại cộng đồng:

a) Người làm công tác lao động, thương binh và xã hội cấp xã hoặc những người được phân công căn cứ vào Khoản 3, Điều 3 thống kê danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo mẫu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã duyệt, gửi cơ quan lao động, thương binh và xã hội cấp huyện và cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện;

b) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi, cơ quan lao động, thương binh và xã hội cấp huyện chủ trì phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện rà soát, đối chiếu danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

Trường hợp đúng đối tượng thì trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận danh sách, bảo hiểm xã hội cấp huyện thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng và chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để giao cho đối tượng.

Trường hợp chưa đúng đối tượng hoặc thiếu thông tin thì trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, cơ quan lao động, thương binh và xã hội cấp huyện chuyển lại Ủy ban nhân dân cấp xã để hoàn thiện lại danh sách theo quy định.

2. Đối với các đối tượng là người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng trong Cơ sở nuôi dưỡng thì Cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách theo mẫu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện để cấp thẻ bảo hiểm y tế.

3. Đối với đối tượng là học sinh, sinh viên đang theo học tại Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do ngành lao động, thương binh và xã hội quản lý thì do Cơ sở giáo dục nghề nghiệp lập danh sách theo mẫu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện để cấp thẻ bảo hiểm y tế.

4. Đối với các đối tượng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, trong thời hạn ba ngày (03), Cơ sở nuôi dưỡng, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đóng trụ sở rà soát danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế để cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 5. Phương thức đóng và trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế

Phương thức và trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2014 của liên bộ Y tế, Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội duyệt và chuyển danh sách người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện làm căn cứ xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện Thông tư này, bảo đảm việc xác định đúng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thực hiện đồng bộ, thống nhất trên địa bàn.

3. Kiểm tra việc thực hiện; giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

1. Chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện cung cấp danh sách người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng cho Ủy ban nhân dân cấp xã để làm căn cứ lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế và triển khai thực hiện việc xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn, đối chiếu với cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện.

2. Kiểm tra, xem xét, giải quyết, kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai, thực hiện. Trường hợp vượt thẩm quyền thì khẩn trương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, giải quyết.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Triển khai thực hiện Thông tư này. Xác định và quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã, phường, thị trấn, gửi cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện để xem xét cấp thẻ bảo hiểm y tế.

2. Giao người làm công tác lao động, thương binh và xã hội hoặc những người được phân công tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết xác nhận các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

3. Định kỳ rà soát tăng, giảm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn gửi cơ quan lao động, thương binh và xã hội và cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện.

4. Hằng năm căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kinh phí thực hiện tổng hợp chung dự toán của cơ quan gửi cơ quan tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm của Cơ sở nuôi dưỡng, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo mẫu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Định kỳ rà soát tăng, giảm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tại Cơ sở nuôi dưỡng, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi cơ quan lao động, thương binh và xã hội và cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện.

Điều 10. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Chỉ đạo triển khai, hướng dẫn nghiệp vụ trong hệ thống cơ quan Bảo hiểm xã hội. Đồng thời, chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai, thực hiện.

2. Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong việc tổ chức triển khai thực hiện xác nhận, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế ở địa phương.

3. Phối hợp thực hiện kiểm tra liên ngành việc triển khai cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp chấn chỉnh hoặc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác lao động, thương binh và xã hội cấp xã, huyện và những người được phân công triển khai Thông tư này.

5. Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **09** tháng **9** năm 2016. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

2. Điều 41 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lãnh đạo Bộ LĐTBXH;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Minh Huân

www.LuatVietnam.vn